

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/HN&GD-ST

Ngày: 18 - 5 - 2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Đức Sơn.
2. Bà Nguyễn Thị Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tô Văn Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hải Lĩnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 528/2020/TLST-HN&GD, ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2021/QĐXXST-HN&GD, ngày 08 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2021/QĐST- HN&GD, ngày 27/4/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị L, sinh năm: 1993;

Nơi cư trú: Số nhà 38, đường số 32, tổ 3, thôn 7, xã ĐK, huyện ĐL, tỉnh BT.

2. Bị đơn: Anh Tạ Ngọc Q, sinh năm: 1984;

Nơi cư trú: Số nhà 02, đường số 38, tổ 1, thôn 3, xã SN, huyện ĐL, tỉnh BT.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” lập ngày 02/12/2020, cùng các bản tự khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì việc trình bày của chị Đoàn Thị L thể hiện:

**Về hôn nhân:** Chị và anh Tạ Ngọc Q tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau rồi đi đến kết hôn năm 2006, đăng ký kết hôn tại UBND xã SN, huyện ĐL, tỉnh BT, số giấy chứng nhận kết hôn: 36, quyển số: 01/2006, đăng ký ngày 01/6/2006. Trong đời sống hôn nhân, giữa chị và anh Q đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh Q gia trưởng, bạo lực đã không tôn trọng, yêu thương chị mà còn thường xuyên o ép, đánh chửi chị thậm tệ. Cho nên chị không hề cảm nhận được tình yêu thương từ phía anh Q, không thấy được hạnh phúc trong cuộc sống vợ chồng. Từ đó chị và anh Q đã sống ly thân với nhau hơn một năm nay. Chị xác định không còn tình cảm yêu thương, quý trọng đối với anh Q nữa. Nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

**Về con chung:** Trong thời gian chung sống, chị với anh Q có với nhau 02 người con chung tên: Tạ Ngọc Tuấn A, sinh ngày 08/01/2007 và Tạ Ngọc Tuấn Đ, sinh ngày 11/6/2014. Chị yêu cầu giải quyết quyền được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Tạ Ngọc Tuấn Đ và yêu cầu giao cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Tạ Ngọc Tuấn A. Không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Ngày 30/12/2020 chị làm đơn bổ sung yêu cầu, về việc xin rút phần yêu cầu Tòa án giải quyết “Tranh chấp về nuôi con chung”. Tức là chị chỉ yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Q thôi chứ không yêu cầu tranh chấp về quyền nuôi con nữa.

**Về tài sản chung và nợ chung:** Chị không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Suốt trong quá trình tố tụng vụ án cũng như thời gian mở phiên tòa, bị đơn – anh Tạ Ngọc Q không tham gia, mặc dù Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các loại văn bản tố tụng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về giải quyết vụ án: Xét thấy, bà Đoàn Thị L không còn tình cảm cũng như không muốn tiếp tục sống chung với ông Tạ Ngọc Q nên đã yêu cầu xin ly hôn. Ông Q mặc dù biết bà L có đơn gửi Tòa án xin ly hôn nhưng vẫn không tìm cách hàn gắn tình cảm để bà L kiên quyết ly hôn. Bên cạnh đó vợ chồng ông Q, bà L đã sống ly thân được một năm nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng giữa bà L, ông Q không thể tiếp tục hòa hợp, hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L là có căn cứ và đúng pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện lập ngày 02/12/2020 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/12/2020, Tòa án xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn, bị đơn có địa chỉ và nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị L và anh Tạ Ngọc Q có thời gian tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã SN. Giấy chứng nhận kết hôn số: 36, quyển số: 01/2006, đăng ký ngày

01/6/2006. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng anh chị không mang lại hạnh phúc cho nhau mà ngày càng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh Q còn mang nặng tính gia trưởng, bạo lực gia đình. Đã thiếu sự tôn trọng, yêu thương vợ mà còn độc đoán, bạo lực trong việc giải quyết mâu thuẫn gia đình. Làm cho chị L không hề cảm nhận được tình cảm yêu thương, ấm áp; không thấy được hạnh phúc trong cuộc sống vợ chồng. Cho nên chị L đã phải yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Q. Trong quá trình tố tụng, Tòa án cũng đã tổ chức nhiều phiên hòa giải, nhằm hàn gắn cho anh chị về sống đoàn tụ với nhau, xây dựng hạnh phúc gia đình. Nhưng anh Q không tham gia, kết quả hòa giải không thành. Hiện tại anh chị đã sống ly thân một thời gian khá dài. Mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai còn quan tâm, chia sẻ với ai. Chị L xác định không còn tình cảm yêu thương gì với anh Q nữa, chị nhất định yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Q. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị L với anh Q đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cho nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị L là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị với anh Q có với nhau 02 người con chung tên: Tạ Ngọc Tuấn A, sinh ngày 08/01/2007 và Tạ Ngọc Tuấn Đ, sinh ngày 11/6/2014. Hiện nay các cháu đang sống cùng anh Q.

Trong đơn khởi kiện, chị L yêu cầu giải quyết quyền được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Tạ Ngọc Tuấn Đ và yêu cầu giao cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Tạ Ngọc Tuấn A. Không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Ngày 30/12/2020 chị làm đơn bổ sung yêu cầu, về việc xin rút phần yêu cầu Tòa án giải quyết “Tranh chấp về nuôi con chung”. Tức là chị không yêu cầu tranh chấp về quyền nuôi con nữa. Hội đồng xét xử không xem xét đến trong bản án này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến trong bản án này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L là người phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Về áp dụng án lệ: Vụ án ly hôn giữa chị Đoàn Thị L và anh Tạ Ngọc Q là vụ án Hôn nhân và gia đình. Theo đơn khởi kiện của chị L thì Tòa án xem xét giải quyết quan hệ ly hôn theo quy định của luật Hôn nhân và Gia đình. Nghiên cứu tất cả án lệ do Tòa án nhân dân tối cao công bố, không có vụ nào tương tự như vụ án đang được xét xử. Vì vậy, HĐXX không áp dụng án lệ mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

[8] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 8, 9, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### ***Tuyên xử.***

- Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đoàn Thị L.

1. Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị L ly hôn anh Tạ Ngọc Q.

2. Về án phí: Chị Đoàn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004198, ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**3.** Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm iết tại nơi cư trú.

**4.** Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- UBND xã Sùng Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Đức**